

Số: 142/QĐ-SCT

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021**  
**của Sở Công Thương**

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29/8/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 05/8/2008 của UBND tỉnh Thái Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Thái Bình về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Công Thương.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Công Thương (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Trưởng các phòng, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Huy Quân**

02

Đơn vị: Sở Công Thương Thái Bình

Biểu số 02

Chương: 416

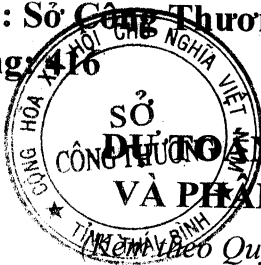
**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 142/QĐ-SCT ngày 28/12/2020 của Sở Công Thương)

(Cơ quan Sở Công Thương)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
I	Số thu phí, lệ phí	80.000
II	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	60.000
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	20.000
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>12.046.465</b>
I	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>12.046.465</b>
1	Chi quản lý hành chính	8.096.465
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ được giao	8.016.465
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ được cấp sau khi trừ 10% tiết kiệm CCTL mới và dành nguồn KP thực hiện nhiệm vụ năm 2022).	7.956.465
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ được giao	140.000
	Kinh phí giám sát đánh giá đầu tư	40.000
	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công	100.000
<b>2</b>	<b>Kinh phí Chương trình mục tiêu</b>	<b>3.507.000</b>
	Kinh phí khuyến công	2.330.500
	Kinh phí khuyến thương	1.176.500
<b>3</b>	<b>Kinh phí quy hoạch</b>	<b>443.000</b>
	KP Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thái Bình	443.000



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 142/QĐ-SCT ngày 28/12/2020 của Sở Công Thương)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Trung tâm Khuyến công Tur vấn PTCN	Trung tâm Xúc tiến thương mại
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
I	Số thu phí, lệ phí	80.000			
II	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	60.000			
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	20.000			
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>18.947.243</b>	<b>3.065.278</b>	<b>1.824.831</b>	<b>1.240.447</b>
I	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>18.947.243</b>	<b>3.065.278</b>	<b>1.824.831</b>	<b>1.240.447</b>
1	Chi quản lý hành chính	8.096.465	0		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ được giao	8.016.465	0		
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ được cấp sau khi trừ 10% tiết kiệm CCTL mới và dành nguồn KP thực hiện nhiệm vụ năm 2022).	7.956.465			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ được giao	140.000	0		
	Kinh phí giám sát đánh giá đầu tư	40.000			
	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công	100.000			
2	Chi đơn vị sự nghiệp	3.065.278	3.065.278	1.824.831	1.240.447
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ được giao	3.065.278	3.065.278	1.824.831	1.240.447
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên được giao	3.065.278	3.065.278	1.824.831	1.240.447
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên được cấp sau khi đã trừ 10% tiết kiệm CCTL mới	3.065.278	3.065.278	1.824.831	1.240.447
3	Kinh phí chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo QĐ 692/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh) được giao	0		0	
	Kinh phí chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo QĐ 692/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh) được cấp sau khi đã trừ 10% tiết kiệm CCTL mới giữ lại NST				

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				Trung tâm Khuyến công Tư vấn PTCN	Trung tâm Xúc tiến thương mại
4	Kinh phí Chương trình mục tiêu	7.342.500	0	2.340.500	1.495.000
	Kinh phí khuyến công	4.671.000		2.340.500	
	Kinh phí khuyến thương	2.671.500			1.495.000
5	Kinh phí quy hoạch	443.000	0		